

Bản án số: **05/2022/DS-ST**
Ngày: 24/01/2022
V/v: “**Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa.

2. Bà Vũ Thị Đạm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải- *Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.**

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **243/TLST-DSST** ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **68/2021/QĐXXST-DSST** ngày 20 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: **01/2022/QĐHPT** ngày 06 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H,** sinh năm 1972.(Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Bà Hồ Thị B,** sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Bà Huỳnh Thị Ngọc Đ, sinh năm 1989(Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2020, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:**

Do có sự quen biết nên ngày 07/5/2019 bà Hồ Thị B và con dâu bà B tên Huỳnh Thị Ngọc Đ có gặp bà hỏi vay 110.000.000 đồng(*Một trăm, mười triệu đồng*) để mua xe tải cho chồng bà Đ chở hàng, hẹn 02 tháng trả, để làm tin bà B có đưa cho bà H 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: **O 092239** do Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp cho Hộ ông Trương Văn P chứ các bên không làm hợp đồng thế chấp tài sản, lãi suất thỏa thuận 2% tháng, bà B đóng lãi đủ cho đến đầu tháng 01/2020 thì ngưng đóng lãi, các bên có làm giấy tay vay số tiền trên.

- Lần 2 vào ngày 07/12/2019 bà B và bà Đ hỏi mượn tiếp 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) để chồng đủ tiền mua xe tải cho chồng bà Đ, phương thức vay cũng như lần vay thứ 1, số tiền này bà B, bà Đ chưa đóng lãi.

Tổng hai lần vay là 310.000.000 đồng(*Ba trăm mười triệu đồng*). Đến hạn thanh toán nợ bà B, bà Đ hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không thanh toán cho bà H gốc và tiền lãi. Nay bà yêu cầu bà B, bà Đ hoàn trả cho bà H gốc là: 310.000.000 đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*) về lãi suất bà yêu cầu tính lãi cho hai khoản nợ vay từ 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1% tháng.

* Bị đơn bà Hồ thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ thừa nhận có nợ bà Phạm Thị H số tiền 310.000.000 đồng(*Ba trăm mười triệu đồng*) và giấy nợ ghi ngày 07/5/2019 vay 110.000.000 đồng(*Một trăm, mười triệu đồng*) và ngày 07/12/2019 hỏi mượn tiếp 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) là chữ viết bà Đ và chữ ký bà B, bà Đ. Nhưng bà B, bà Đ chỉ thừa nhận vay 110.000.000 đồng(*Một trăm, mười triệu đồng*) còn 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) là tiền lãi. Nay bà B, bà Đ chỉ đồng ý thanh toán cho bà H 110.000.000 đồng(*Một trăm, mười triệu đồng*) nợ gốc và không đồng ý thanh toán lãi vay. Trong quá trình vay bà B, bà Đ thực hiện việc góp trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho bà H nhưng việc trả trên bà B, bà Đ không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Phạm Thị H trình bày bà có cho có cho bà Hồ Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ mượn 310 triệu đồng cụ thể như sau:

- Ngày 07/05/2019, bà H cho bà Hồ Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ mượn số tiền 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3% tháng, bà B, bà Đ hứa sau 01 tháng sẽ hoàn trả cả vốn và lãi, hai bên có viết giấy cho mượn tiền, trên giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết của bà Đ và bà B.

- Ngày 27/12/2019, bà H cho bà Hồ Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ mượn số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3 tháng, bà B, bà Đ hứa sau 01 tháng sẽ hoàn trả cả vốn và lãi, hai bên có viết giấy cho mượn tiền. Trên giấy này chỉ có chữ ký của bà H.

Bà B và bà Đ cho rằng mình chỉ mượn của bà H số tiền 110 triệu đồng. Còn số tiền 200 triệu đồng là tiền lãi. Bà B và bà Đ thừa nhận chữ ký và chữ viết trên 2 giấy vay tiền là do bà Đ ghi theo ý của bà H. Tuy nhiên, bà Đ và bà B

không có chứng cứ gì chứng minh mình chỉ mượn tiền của bà H 110 triệu đồng. Hơn nữa bà B và bà Đ trình bày 200 triệu đồng là tiền lãi của khoản lãi 110 triệu đồng, tuy nhiên lại không phù hợp với cách tính lãi mà các bên thỏa thuận trong khoảng thời gian từ 07/05/2019 tới 27/12/2019. Do đó lời trình bày của bà B và bà Đ không có căn cứ nên không chấp nhận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì bà H có cung cấp 2 giấy vay tiền ngày 07/05/2019, thể hiện bà H cho bà Hồ Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ mượn số tiền 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng, trên giấy có chữ ký và chữ viết của bà Đ và bà B. Và một giấy vay tiền 27/12/2019, thể hiện bà H cho bà Hồ Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ mượn số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng), trên giấy tuy không có chữ ký của bà Đ và bà B nhưng bà Đ lại thừa nhận chữ viết trên giấy vay tiền là do bà Đ viết. Ngoài ra bà H còn cung cấp một giấy cầm sổ đỏ thể hiện bà Đ có mượn của bà H 200 triệu đồng và bà B có đưa cho bà H 1 quyển sổ đỏ mang tên chồng bà B là ông Trương Văn P để đảm bảo khoản vay của bà Đ, đồng thời bà B cam kết nếu bà Đ không trả nợ được thì bà B sẽ đứng ra trả nợ thay, trên giấy có chữ ký và chữ viết của bà B và bà Đ. Bà Đ và bà B cũng thừa nhận có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính do ông Trương Văn P đứng tên cho bà H giữ để làm tin. Như vậy lời trình bày của bà H có căn cứ, nên có căn cứ xác nhận bà B và bà Đ có mượn bà H số tiền 310 triệu đồng.

Về lãi suất: Trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận lãi suất 3% tháng. Theo bà B trình bày thì đối với khoản tiền 110 triệu đồng thì bà B đã trả lãi suất tới tháng 1/2020. Đối với khoản vay 200 triệu thì bà B chưa trả lãi được đồng nào. Bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận. Tuy nhiên cần phải tính lại phần lãi suất vượt quá quy định nhà nước mà bà B đã trả cho bà H để khấu trừ vào khoản lãi phải trả cho bà B và bà Đ.

Do bà H chỉ giao dịch với bà B và bà Đ và bà H chỉ yêu cầu bà Đ và bà B trả nợ nên không buộc chồng bà Đ cũng liên đới trả nợ.

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Đ và bà B phải liên đới trả nợ cho bà H số tiền 310 triệu đồng tiền gốc và phần lãi suất theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện: **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”** tại Tòa án huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai đối với bà Hồ Thị B và bà Huỳnh Thị Ngọc Đ nên được xác định bà H là nguyên đơn, bà B, bà Đ là bị đơn. Được quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Hồ Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ Tòa án tiến hành triệu tập theo quy định nhưng vắng mặt không lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà B, bà Đ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bà Phạm Thị H khởi kiện đối với bà Hồ Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ có hộ khẩu thường trú ấp 5, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Còn thời hiệu.

[4] Về thu thập chứng cứ: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 20/12/2021, đã công bố công khai toàn bộ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ vắng mặt nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà B, bà Đ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án:

- Lần thứ 1: Vào ngày 07/5/2019 bà Hồ Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ gặp bà H vay số tiền 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*).

- Lần thứ 2: Vào ngày 07/12/2019 bà B, bà Đ hỏi mượn bà H tiếp 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Tổng cộng 310.000.000 đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*). Nay bà yêu cầu bà B, bà Đ hoàn trả cho bà nợ gốc là 310.000.000 đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*) và lãi suất hai khoản vay trên bà B, bà Đ trả đủ cho bà từ thời gian vay cho đến 31/12/2019 với mức lãi suất thỏa thuận là 2% tháng. Nay bà yêu cầu tính lãi của hai khoản vay từ ngày 01/01/2020 với mức lãi suất 1% tháng đến ngày xét xử sơ thẩm.

[6] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị H nhận thấy:

Việc bà Phạm Thị H yêu cầu bà Hồ Thị B và bà Huỳnh Thị Ngọc Đ đối với số tiền vay là 310.000.000 đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*), được bà B, bà Đ thừa nhận. Tuy nhiên(tại bút lục số 31 và 32) lời khai bà B, bà Đ cho rằng nợ vay 200.000.000 đồng(*Hai trăm triệu đồng*) ngày 07/12/2019 là tiền lãi nên chỉ đồng ý thanh toán cho bà H số tiền gốc còn nợ là: 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*) và không có khả năng đóng thêm lãi suất và bà B, bà Đ cho rằng đã trả tiền góp cho bà H quá nhiều. Nhưng thật chất bà B, bà Đ không đến Tòa án làm việc mặc dù Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà B, bà Đ theo quy định, đồng thời bà B, bà Đ cũng không chứng minh việc đã thanh toán cho bà H tiền góp hàng tháng và số tiền 200.000.000 đồng(*Hai trăm triệu đồng*) mà bà B, bà Đ cho là tiền lãi. Vì vậy Tòa án không có cơ sở để xem xét nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H buộc bà

Hồ Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền nợ là: 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

Tuy nhiên về phần lãi suất các bên thỏa thuận vay vượt mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 12 Nghị quyết số: 01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019. Nên phần lãi suất bà B, bà Đ đã trả từ thời điểm vay cho đến ngày 31/12/2019 bà H thừa nhận sẽ được điều chỉnh lại cụ thể như sau:

Số tiền lãi của 02 khoản vay được các bên đương sự thỏa thuận là 2% tháng được tính cụ thể như sau:

Thời gian của số tiền vay 110.000.000(Một trăm mười triệu đồng) từ ngày 07/5/2019 đến ngày 31/12/2019 là:

$[(110.000.000 \text{ đồng} \times 2\% \times 234 \text{ ngày}) : 30] = 17.160.000 \text{ đồng}$ (Mười bảy triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng)

Thời gian của số tiền vay 200.000.000(Một trăm mười triệu đồng) từ ngày 07/12/2019 đến ngày 31/12/2019 là:

$[(200.000.000 \text{ đồng} \times 2\% \times 24 \text{ ngày}) : 30] = 3.200.000 \text{ đồng}$ (Ba triệu, hai trăm ngàn đồng)

* Tổng 02 lãi khoản vay là: **20.360.000 đồng**(Hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng) **Ký hiệu A.**

Số tiền lãi được điều chỉnh lại như sau:

Thời gian của số tiền vay 110.000.000(Một trăm mười triệu đồng) từ ngày 07/5/2019 đến ngày 31/12/2019 là:

$110.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ tháng} \times 24 \text{ ngày} \times 10\% \text{ năm} = 7.172.603 \text{ đồng}$ (Bảy triệu, một trăm bảy mươi hai ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng).

Thời gian của số tiền vay 200.000.000(Hai trăm triệu đồng) từ ngày 07/12/2019 đến ngày 31/12/2019 là:

$200.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ ngày} \times 10\% \text{ năm} = 1.315.068 \text{ đồng}$ (Một triệu, ba trăm mười lăm ngàn, không trăm sáu mươi tám đồng).

* Tổng 02 lãi khoản vay là: **8.487.671 đồng**(Tám triệu, bốn trăm tám mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi một đồng). **Ký hiệu B.**

* Lấy A trừ B: $20.360.000 \text{ đ} - 8.487.671 \text{ đ} = 11.872.329 \text{ đồng}$ (Mười một triệu, tám trăm bảy mươi hai ngàn, ba trăm hai mươi chín đồng)

Do bà H yêu cầu tính lãi suất 1% tháng của hai khoản vay là: 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng). Xét thấy mức lãi suất bà H yêu cầu không vượt quá lãi suất theo quy định pháp luật nên chấp nhận. Cụ thể mức lãi suất được tính như sau:

- Đối với số tiền vay 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) tính từ ngày vay 01/01/2020 đến ngày 24/01/2022 là: **78.016.666 đồng**(Bảy mươi tám triệu, không trăm mười sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) được khấu trừ khoản tiền lãi bà B, bà Đ trả còn dư là: **11.872.329 đồng**(Mười một triệu, tám

trăm bảy mươi hai ngàn, ba trăm hai mươi chín đồng). Như vậy tiền lãi vay còn lại: **66.144.337 đồng**(Sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, ba trăm ba mươi bảy đồng)

Như vậy nợ gốc và tiền lãi là: **376.144.337 đồng**(Ba trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, ba trăm ba mươi bảy đồng). Như vậy buộc bà Hồ Thị B và bà Huỳnh Thị Ngọc Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền trên.

[7] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bà Hồ Thị Bốn, bà Huỳnh Thị Ngọc Đ phải nộp 18.807.216 đồng (Mười tám triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, hai trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Phạm Thị H 7.750.000 đồng(Bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí(biên lai số 0004418 ngày 30/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc)

[8] Về quan điểm đại diện Viện kiểm sát:

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Xuân Lộc về đường lối giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Các bên đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị Bản án theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 108, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số: 01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1. Buộc bà Hồ Thị B và bà Huỳnh Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền nợ là: **376.144.337 đồng**(Ba trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, ba trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bà Hồ Thị B và bà Huỳnh Thị Ngọc Đ phải nộp 18.807.216 đồng(Mười tám triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, hai trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Phạm Thị H 7.750.000 đồng(Bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí(biên lai số 0004418 ngày 30/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc)

Bà Phạm Thị H, bà Hồ Thị B và bà Huỳnh Thị Ngọc Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Tâm;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ ĐÃ KÝ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huỳnh Thoa Vũ Thị Đượm Huỳnh Thị Kim Phụng

